

Số: /TC - STP

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 7 năm 2024

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 7 năm 2024, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 7 năm 2024, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành **14** văn bản quy phạm pháp luật, trong đó Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành **13** nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành **01** quyết định, cụ thể như sau:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (13 văn bản)

1.1. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, mức chi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.2. Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 về Bãi bỏ 13 nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch ngành, lĩnh vực;

1.3. Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang;

1.4. Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 về Phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.5. Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 Phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.6. Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.7. Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định về học phí năm học 2023-2024; mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.8. Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý;

1.9. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.10. Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.11. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.12. Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.13. Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố di dời do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (01 văn bản)

Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 Ban hành Quy chế hoạt động Công Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, mức chi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Khoản 3 Điều 14 và Khoản 1 Điều 23 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định:

“Điều 14. Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

...3. Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý...

Điều 23. Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

- Khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định:

“Điều 5. Điều kiện, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục và trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

... 3. Mức hỗ trợ:

Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định...

Điều 6. Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ

...3. Mức hưởng:

a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hằng ngày, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định...”

- Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy

và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành quy định: “*Căn cứ vào danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm trang bị cho lực lượng dân phòng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và yêu cầu thực tiễn công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên từng địa bàn cấp xã thuộc phạm vi quản lý, cơ quan Công an có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng bảo đảm theo quy định và xem xét, quyết định trang bị thêm các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác”.*

Căn cứ các quy định nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

- Cụ thể hóa, quy định chi tiết các nội dung được Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định; tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thành lập, xây dựng tổ chức, bảo đảm chế độ, chính sách, điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tập trung nguồn lực thực hiện quy định của pháp luật về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng. Thông qua đó để từng bước thiết lập, tạo môi trường an toàn phòng cháy, chữa cháy; bảo đảm an ninh, trật tự; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; góp phần phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND gồm 12 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Theo đó, mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 03 thành viên, gồm Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

- **Điều 4:** Quy định về mức tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Mức tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng: (1) Tổ trưởng: 1.300.000 đồng/người/tháng; (2) Tổ phó: 1.200.000 đồng/người/tháng; (3) Tổ viên: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- **Điều 5:** Quy định về mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm

vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ.

- **Điều 6:** Quy định về mức hỗ trợ đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương trong khi thực hiện nhiệm vụ.

- **Điều 7:** Quy định về mức hỗ trợ đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ.

- **Điều 8:** Quy định về mức chi đối với các nhiệm vụ chi của địa phương.

- **Điều 9:** Quy định về số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 10:** Quy định về nguồn kinh phí thực hiện. Theo đó, kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước.

- **Điều 11, Điều 12:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành. Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Điểm a, Khoản 3, Điều 5 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoản kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hết hiệu lực thi hành từ ngày 11/7/2024.

2. Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 về Bãi bỏ 13 nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch ngành, lĩnh vực (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND)

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 30/3/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 325/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đã tích hợp các nội dung quy hoạch ngành, lĩnh vực vào quy hoạch tỉnh... Qua rà soát các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về quy hoạch ngành, lĩnh vực, có 13 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được tích hợp vào quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023.

Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

- Khoản 1 Điều 12: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bỏ*

sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền... ”.

- Khoản 1 Điều 170: “*Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật... ”.*

Từ những vấn đề nêu trên, ban hành Nghị quyết Bãi bỏ 13 nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch ngành, lĩnh vực là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời xử lý những văn bản có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định về quy hoạch của tỉnh để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của địa phương.

2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về Bãi bỏ toàn bộ 13 nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch ngành, lĩnh vực, gồm:

(1) Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020.

(2) Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

(3) Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

(4) Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 07 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

(5) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch sử dụng đất lúa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất lúa đến năm 2015 của tỉnh Tuyên Quang.

(6) Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

(7) Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND.

(8) Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

(9) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(10) Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(11) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(12) Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(13) Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND)

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 3; Điểm b Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định:

“Điều 3. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước
1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong

trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 37. Mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;”

- Điểm c Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định:

“Điều 91. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản:

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp tại khoản 1 Điều này:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương)”

Từ các quy định nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Làm căn cứ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học công nghệ; mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và hàng hóa, dịch vụ thuộc dự

toán mua sắm có giá trị trên 200 triệu đồng.

3.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND gồm 07 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách địa phương; mua sắm hàng hóa, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 4:** Quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 5:** Quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 6, Điều 7:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành. Bãi bỏ Điều 4, Điều 11 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 về phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND)

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND về việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND*). Căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND là khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trong đó Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã quy định về hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương, đồng thời quy định: “*Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 31/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC. Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC) quy định:

“2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Quy định tại Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

Theo đó, các quy định về phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường tại Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2023/TT-BTC).

Từ các vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết về phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Làm căn cứ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

4.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND gồm 07 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- **Điều 3:** Quy định về nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.
- **Điều 4:** Quy định về nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.
- **Điều 5:** Quy định về nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.

- **Điều 6, Điều 7:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành. Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5. Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 Phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND)

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Điều 5 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cá bách sự cố đê điều quy định:

“Điều 5. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều từ nguồn ngân sách địa phương.

Căn cứ nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều quy định tại Điều 4 của Thông tư này; thực trạng hệ thống đê điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều do địa phương quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến đê do địa phương quản lý”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết về nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh chủ động trong công tác lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều; chủ động cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách được phân cấp để tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều.

5.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND gồm 04 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 2:** Quy định về nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Về nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều, Nghị quyết quy định 11 nội dung, gồm: (1) Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê; (2) Sửa chữa gia cố đường gom, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều; (3) Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè bảo vệ đê; phát quang mái đê, mái kè bảo vệ đê; (4) Đắp đất, trồng cây chắn sóng chống sạt lở; (5) Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê; (6) Kiểm tra đánh giá chất lượng công dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của công dưới đê; (7) Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè bảo vệ đê; (8) Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ

việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ; (9) Bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão liên quan đến đê điều do địa phương quản lý; (10) Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão; (11) Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định tại Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

+ Về nội dung, nhiệm vụ chi xử lý cấp bách sự cố đê điều: Các sự cố đê điều cần phải xử lý cấp bách để đảm bảo an toàn hệ thống đê là các sự cố phát sinh trước, trong và sau mùa mưa lũ, bão hàng năm, những sự cố này chưa được đưa vào kế hoạch và bố trí dự toán duy tu, bảo dưỡng đê điều hàng năm, gồm: (1) Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè bảo vệ đê; (2) Xử lý nứt đê; (3) Xử lý sập tổ mối trên đê; (4) Xử lý sụt, lún thân đê; (5) Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều; (6) Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê; (7) Xử lý lỗ sủi, mạch sủi, bãi sủi, mạch đùn, bục đất; (8) Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đỉnh đê; (9) Xử lý các sự cố hư hỏng công qua đê; (10) Hàn khâu đê.

- **Điều 3, Điều 4:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

6. Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND)

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 06/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND được ban hành theo phân cấp tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Ngày 31/01/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định hiện hành, như: không còn đối tượng áp dụng là “*công chức thực hiện chế độ tập sự*”, “*công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập*”; một số nội dung chỉ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức mới được bổ sung như: *Chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến từ xa; Chi số hóa tài liệu phục vụ trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến từ xa; Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành đối với các lớp học cần sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành.v.v...*

Từ các vấn đề nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Làm căn cứ để tổ chức thực hiện lập dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

6.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Theo đó, bổ sung 05 nội dung của Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1, trong đó bổ sung quy định viện dẫn thực hiện theo Thông tư số 06/2023/TT-BTC để bảo đảm đầy đủ.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 (Đối tượng áp dụng) Điều 1 quy định về đối tượng áp dụng của Nghị quyết, bỏ đối tượng áp dụng là “*công chức thực hiện chế độ tập sự*” và “*công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập*” cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2, trong đó bổ sung quy định viện dẫn thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2, trong đó bổ sung quy định viện dẫn thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ

trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

+ Bổ sung điểm c, điểm d, điểm đ vào khoản 4 Điều 2, theo đó bổ sung 03 mức chi: (1) Chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến từ xa; (2) Chi số hóa tài liệu phục vụ trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến từ xa; (3) Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành đối với các lớp học cần sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành, cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

7. Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định về học phí năm học 2023-2024; mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND)

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Ngày 06/7/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. **Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND quy định mức học phí năm học 2023 – 2024 tăng so với mức học phí năm học 2021 – 2022 (quy định tại Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang) và Nghị quyết này chỉ áp dụng cho năm học 2023 - 2024.**

- Ngày 31/12/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học

tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, trong đó có nội dung điều chỉnh khung học phí từ năm học 2023 – 2024.

Trên cơ sở quy định của Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, cần thiết phải quy định về học phí năm học 2023 – 2024 (*trong đó quy định **hỗ trợ phần chênh lệch tăng thêm** của mức học phí năm học 2023 - 2024 so với số thu học phí năm học 2021 – 2022 hoặc điều chỉnh mức học phí năm học 2023 – 2024 tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND*) để bảo đảm giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 – 2022; đồng thời, **quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí** cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; **tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học từ năm học 2024 – 2025** theo phân cấp (giao).

Do đó, việc ban hành Nghị quyết quy định về học phí năm học 2023 – 2024; mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học từ năm học 2024 – 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết, thay thế Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023- 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều và 01 phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Điều 2:** Quy định về thực hiện học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% phần chênh lệch tăng thêm giữa mức thu học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí năm học 2021-2022 cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để chi trả cho người nộp trong trường hợp nộp học phí năm học 2023-2024 tăng so với năm học 2021-2022.

- **Điều 3:** Quy định về mức học phí, thời gian thu; mức chi trả cho trẻ em mầm non và học sinh thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2024-2025 (quy định lại Phụ lục kèm theo).

- **Điều 4:** Quy định về tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập

có cấp tiểu học, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học ở địa bàn không đủ trường công lập học tại trường tư thục từ năm học 2024-2025.

- **Điều 5, Điều 6:** Quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành. Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2024 và thay thế Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Phụ lục:** Quy định mức học phí tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2024 - 2025.

8. Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND)

8.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc và thẩm quyền quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc địa phương quản lý và quyết định mức giá cụ thể hoặc thực hiện áp giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp”

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý và quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

- Xây dựng Nghị quyết nhằm bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ

chuyên môn của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý; quy định cụ thể và công khai giá để áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý.

- Tạo sự bình đẳng, không phân biệt về mức giá thu dịch vụ giữa khám bệnh, chữa bệnh của người không có thẻ bảo hiểm y tế và người có thẻ bảo hiểm y tế trong cùng một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

8.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND gồm 04 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Điều 2:** Quy định về mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (chi tiết theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND).

- **Điều 3, Điều 4:** Quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

+ Đối với người bệnh không có thẻ bảo hiểm y tế, người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế sử dụng các dịch vụ kỹ thuật không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đang điều trị nội trú hoặc ngoại trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trước ngày 15/7/2024: Tiếp tục áp dụng mức giá quy định tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

+ Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 15/7/2024 và thay thế Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND; bãi bỏ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

- **Phụ lục I:** Quy định về giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe.

- **Phụ lục II:** Quy định về giá dịch vụ ngày giường bệnh.

- **Phụ lục III:** Quy định về giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm.

9. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND)

9.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 03/7/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND). Tại Điều 2 Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND quy định: “1. *Mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với người làm cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bằng 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng.*

2. *Đối với người làm cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố do các chức danh khác kiêm nhiệm được hưởng 50% mức bồi dưỡng hằng tháng quy định tại khoản 1 Điều này”.*

Theo quy định nêu trên thì trường hợp người làm cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố do các chức danh khác kiêm nhiệm thì được hưởng 50% mức hỗ trợ của chức danh cộng tác viên dân số. Tuy nhiên, ngày 07/12/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND quy định trường hợp kiêm nhiệm được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm, cụ thể: “*Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm”.*

Như vậy, quy định về mức hỗ trợ đối với trường hợp kiêm nhiệm tại Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND chưa bảo đảm tương đồng với quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND.

Từ vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

9.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND, theo đó: mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với công tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bằng 0,25 mức lương cơ sở/người/tháng. Người làm công tác viên dân số do một người hoạt động không chuyên trách, một người trực tiếp tham gia hoạt động hoặc một chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành) tham gia hoạt động ở thôn, xóm, tổ dân phố kiêm nhiệm được hưởng 100% mức bồi dưỡng hằng tháng nêu trên. Người làm công tác viên dân số kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một người trực tiếp tham gia hoạt động hoặc một chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành) tham gia hoạt động ở thôn, xóm, tổ dân phố thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

10. Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND)

10.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 39 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy quy định: “Điều 39. Kinh phí cho việc thực hiện biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

...3. Kinh phí trong quá trình quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy gồm:

...b) Chi phí hỗ trợ cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người đang trong thời hạn quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định này;

...5. Mức hỗ trợ người được phân công giúp đỡ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không thấp hơn 25% mức lương cơ sở”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức cá nhân trong công tác phòng, chống ma túy. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân là nòng cốt, chủ trì thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn.

- Tăng cường nguồn lực cho công tác củng cố lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, nâng cao hiệu quả quản lý tốt người nghiện,

người sử dụng trái phép chất ma túy góp phần ngăn chặn, đấu tranh và từng bước đẩy lùi tệ nạn ma túy, tội phạm ma túy ra khỏi đời sống xã hội.

- Tiếp tục đấu tranh quyết liệt với tội phạm và tệ nạn ma túy góp phần kiềm chế tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đảm bảo giữ vững ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

10.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND gồm 12 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về hỗ trợ kinh phí cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý: Bằng 25% mức lương cơ sở hiện hành/tháng/trường hợp được giúp đỡ.

- **Điều 4:** Quy định về hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác xóa bỏ cây có chứa chất ma túy, trong đó hỗ trợ kinh phí cho cá nhân có công phát hiện và trình báo đầu tiên với cơ quan có thẩm quyền vùng trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy; hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia triệt phá, thu gom, tiêu hủy cây có chứa chất ma túy.

- **Điều 5:** Quy định về hỗ trợ kinh phí cho lực lượng thực hiện các biện pháp đấu tranh với tội phạm về ma túy trong bắt giữ và khởi tố bị can theo các tội danh về ma túy được quy định tại Bộ luật Hình sự.

- **Điều 6:** Quy định về hỗ trợ kinh phí cho lực lượng trực tiếp bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy.

- **Điều 7:** Quy định về hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia phòng, chống ma túy bị phơi nhiễm hoặc nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

- **Điều 8:** Quy định về hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh với tội phạm về ma túy trong khi thi hành công vụ bị thương phải điều trị tại bệnh viện, suy giảm khả năng lao động.

- **Điều 9:** Quy định về hỗ trợ kinh phí cho thân nhân của cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy hy sinh trong khi thi hành công vụ.

- **Điều 10:** Quy định về nguồn kinh phí thực hiện. Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

- **Điều 11, Điều 12:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

11. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân

sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND)

11.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định:

“Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.”

Căn cứ quy định nêu trên việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

- Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý và sử dụng kinh phí phục vụ triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; đảm bảo công khai, minh bạch, thống nhất, phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và dự toán ngân sách được giao hằng năm.

- Làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo sự thống nhất trong việc xây dựng dự toán và tổ chức thực hiện dự toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

11.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND gồm 07 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- **Điều 3:** Quy định về định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- **Điều 4:** Quy định về một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, gồm: chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập; dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- **Điều 5:** Quy định về chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
- **Điều 6, Điều 7:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

12. Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND)

12.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện quy định: “*Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho từng cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước*”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Làm căn cứ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện

trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

12.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về mức chi đón tiếp và tặng quà lưu niệm các đoàn đại biểu, cá nhân đến thăm, làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg.

Mức chi tặng quà lưu niệm như sau: (1) Chi tặng quà lưu niệm các đối tượng đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người. (2) Chi tặng quà lưu niệm các đối tượng đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện: 500.000 đồng/người.

- **Điều 4:** Quy định mức chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng các cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện. Cụ thể:

+ Chi tặng quà chúc mừng nhân ngày Tết nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc)...: Mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/người/lần; không quá 3.000.000 đồng/người/năm.

+ Chi thăm hỏi khi ốm đau: Mức chi tối đa 1.500.000 đồng/người/năm.

+ Chi thăm hỏi khi gặp khó khăn về kinh tế: Mức chi tối đa 3.000.000 đồng/người/năm.

+ Chi phúng viếng khi cá nhân qua đời: Mức chi tối đa không quá 2.000.000 đồng/người.

- **Điều 5, Điều 6:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

13. Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố dư dả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND)

13.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 quy định:

“Điều 12. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

3. Ngoài các chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn.”

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Làm căn cứ để tổ chức thực hiện, giải quyết kịp thời chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

13.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về chính sách hỗ trợ. Theo đó, ngoài chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ, tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ như sau:

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức: Cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính khi nghỉ công tác được hỗ trợ một lần từ khi nghỉ công tác theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mức hỗ trợ là 12 tháng, mỗi tháng hỗ trợ bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng (*tiền lương hiện hưởng là tiền lương của tháng liền kề trước khi nghỉ công tác theo quy định của pháp luật về tiền lương*).

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành): Được hỗ trợ một lần khi nghỉ công tác; mức hỗ trợ là 06 tháng mức phụ cấp hoặc hỗ trợ hằng tháng hiện hưởng của chức danh tại thời điểm nghỉ công tác (không bao gồm chức danh kiêm nhiệm) theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- **Điều 4:** Quy định về nguồn kinh phí hỗ trợ. Kinh phí hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành) dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang quy định tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND do ngân sách tỉnh đảm bảo.

- **Điều 5, Điều 6:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

14. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 Ban hành Quy chế hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND)

14.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2024.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 03/6/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là *Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND*). Đến nay, có 06/11 căn cứ ban hành Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND đã hết hiệu lực thi hành, 01/11 căn cứ ban hành đã hết hiệu lực một phần; phần lớn nội dung chính của Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND không còn phù hợp với pháp luật hiện hành.

Từ vấn đề nêu trên thì việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để thay thế Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để thay thế Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

14.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND

a) Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về ban hành Quy chế hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thực hiện. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang.

b) Quy chế hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gồm 03 chương, 17 điều, cụ thể:

- **Chương I: Quy định chung,** gồm 03 điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; (2) Cấu trúc, địa chỉ tên miền của Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (3) Nguyên tắc hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- **Chương II: Quản lý, duy trì hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh,** gồm 08 điều, quy định về: (1) Phạm vi và nội dung thông tin trên Cổng Thông

tin điện tử tỉnh; (2) Định dạng thông tin trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (3) Cung cấp thông tin để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (4) Thời hạn cập nhật thông tin trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (5) Sử dụng thông tin trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (6) Quảng cáo trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (7) Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (8) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Biên tập.

- Chương III: Tổ chức thực hiện, gồm 06 điều, quy định về: (1) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý, duy trì hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (2) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin; (3) Kinh phí duy trì và phát triển; (4) Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; (5) Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông; (6) Trách nhiệm của Trung tâm Thông tin - Hội nghị.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 7 năm 2024, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- UBND huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuộc